TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc* lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **12**/2018/KDTM-ST Ngày 23 tháng 10 năm 2018 *V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Lương Thị Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Lan Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 58/2013/TLST – KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2013 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX - ST ngày 16 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST-HPT ngày 04 tháng 9 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 17/2018/QĐ-TA ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh**; Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH T**; Địa chỉ: số 10, ngõ 139 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và lắp máy điện nước**. Địa chỉ: 84 – 86 Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Bá Đỏ - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Văn Hải – Chức vụ: Phó tổng giám đốc. (Vắng mặt)

- Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1974 (chồng chị Hoài Nam); Hộ khẩu thường trú: số 48 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; ông **Trương Trung**

C; sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: Số 4 ngách 420/24 đường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1948; chị **Phạm Thuý M**, sinh năm 1985; bà **Đới Thị Bích N**, sinh năm 1976 Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể Đại học Dược khoa, phường Đồng Nhân, quận H, thành phố Hà Nội (ông H, ông Ch, bà H, chị M, bà N vắng mặt liên tiếp ba lần không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2013 của nguyên đơn, cũng như các bản khai người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là T) có ký kết các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là VietinBank) sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 74/HĐTD-TH ngày 31/12/2010 với số tiền là: 1.380.600.000 đồng. Dư nợ của Hợp đồng tín dụng trên đến thời điểm hết ngày 30/8/2018 là 1.488.602.726 đồng; trong đó nợ gốc là 805.600.000 đồng, nợ lãi là 262.780.368 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số: 219/HĐTD-NHĐA ngày 28/12/2011 với số hạn mức cho vay là: 5.000.000.000 đồng. Dư nợ của Hợp đồng tín dụng trên đến thời điểm 30/8/2018 là 3.784.268.860 đồng; trong đó nợ gốc là 1.687.250.000 đồng, nợ lãi là 2.097.018.860 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay của các hợp đồng tín dụng trên, T đã ký 06 hợp đồng thế chấp tài sản sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vay vốn số 91/HĐTC ngày 31/12/2010. Tài sản thế chấp: Máy tự động gấp giấy lau tay HZ-3Z-3T hiệu Jumping của Công ty TNHH T. Giấy tờ sở hữu thế chấp: Phiếu nhập kho ngày 25/12/2010; giấy nộp tiền vào NSNN ngày 25/12/2010; tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 395/NK/NDT01/B15B ngày 25/12/2010; Commercial invoice số VM/SC/EX3/TGPC 100818 ngày 21/12/2010; Packing list; Detailest Packing list; Certificate of origin of the People's Republic of China số CCPIT 095166604; hợp đồng ngoại (Sales con tract) số VM/SC/EX3/TGPC 100818. Giá trị tài sản: 1.911.000.000 (một tỷ chín trăm mười một triệu) đồng theo biên bản định giá ngày 31/12/2010. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 05/01/2011.

2. Hợp đồng thế chấp số 664/TC/2009 ngày 30/12/2009. Tài sản thế chấp: quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thuý M, bà Đới Thị Bích N, chị Đ; tại Căn hộ 602, nhà B, TT 48A T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; diện tích (đất ở) 454,4m^2, diện tích sàn (nhà ở) 36,9 m^2. Giấy tờ sở hữu thế chấp: giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số

010711550400455, hồ sơ gốc số 549.61.2007.62.61.QĐUB.2007 do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/08/2007. Giá trị tài sản: 738.000.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 30/12/2009). Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H ngày 07/01/2010.

3. Hợp đồng thế chấp số: 799/TC/2011 ngày 19/07/2011. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất mang tên chị Đ và anh Nguyễn Ngọc H; địa chỉ: Đức Hòa, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; diện tích 86,4m^2, sử dụng riêng 51m^2 trên thửa đất số: 83-1, tờ bản đồ: Đức Hòa. Giấy tờ sở hữu thế chấp: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BĐ486087, số vào sổ cấp GCN 1007, do UBND quận Long Biên cấp ngày 26/01/2011. Giá trị tài sản: 1.836.000.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 18/07/2011). Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Long Biên ngày 26/07/2011.

4. Hợp đồng thế chấp số: 76/TC/2010 ngày 27/01/2010. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Ngọc H và chị Đ; tại số 10, ngõ 139 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; diện tích sử dụng riêng 34,1m^2. Giấy tờ sở hữu thế chấp: Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số bìa AB736712, hồ sơ gốc số Q11/2006/QĐUB 01/2006, do UBND quận Ba Đình cấp ngày 21/03/2006. Giá trị tài sản: 2.574.550.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 27/01/2010). Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng tài nguyên và Môi trường quận Ba Đình ngày 28/01/2010.

5. Hợp đồng thế chấp số: 109/HĐTC ngày 21/12/2009. Tài sản thế chấp: Xe ô tô MITSUBISHI bán tải mang tên Công ty TNHH T. Giấy tờ sở hữu thế chấp: Đăng ký xe ô tô số 20299, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/12/2009. Giá trị tài sản: 450.000.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 21/12/2009). Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 22/12/2009.

6. Hợp đồng thế chấp số: 112/HĐTC ngày 30/12/2009. Tài sản thế chấp: máy cuộn, cắt giấy vệ sinh tự động; máy khăn hộp rút tờ; máy đóng gói giấy tự động; máy gấp giấy tự động; máy gia công sản xuất giấy vệ sinh. Giấy tờ sở hữu thế chấp: Hóa đơn giá trị gia tăng số 26846 ngày 29/12/2006; hóa đơn giá trị gia tăng số 96208 ngày 05/11/2007; Hóa đơn giá trị gia tăng số 61882 ngày 13/06/2007; 03 phiếu nhập kho. Chủ sở hữu tài sản là Công ty TNHH T. Giá trị tài sản: 736.000.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 30/12/2009). Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 05/11/2010.

Trong quá trình vay vốn tại Vietinbank, T đã vay vốn với tổng số tiền là: 5.177.850.000 đồng. Đến nay Công ty đã trả được ngân hàng số tiền gốc là: 2.685.000.000 đồng và số tiền lãi là: 647.894.535 đồng, khoản vay đã quá hạn bắt đầu từ tháng 01/2013. Trong đó VietinBank xử lý 2 tài sản của Công ty và bên thứ ba thu nợ số tiền gốc là: 2.110.000.000 đồng như sau:

+ Ngày 06/10/2014, xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất tại số 10, ngõ 139, đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận QSD đất số bìa AB736712, do UBND quận Ba Đình cấp ngày 21/3/2006; Hợp đồng thế chấp số 76/TC/2010 ngày 27/01/2010; thu nợ số tiền 1.900.000.000 đồng.

+ Ngày 13/6/2016, xử lý tài sản là xe ô tô bán tải hiệu Misubishi BKS 30V-2380, sản xuất năm 2009 của Công ty TNHH T. Hợp đồng thế chấp tài sản số 109/HĐTC ngày 21/12/2009; thu nợ số tiền 210.000.000 đồng.

1. Tổng nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 74/HĐTD-TH, ngày 31/12/2010 tính đến ngày 20/10/2018 là: 1.507.091.246 đồng, trong đó: Nợ gốc: 805.600.000 đồng; Nợ lãi: 701.491.246 đồng (gồm lãi trong hạn: 516.148.497 đồng, lãi quá hạn 185.342.749 đồng)

2. Tổng nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 219/HĐTD-NHĐA, ngày 28/12/2011 tính đến ngày 20/10/2018 là: 3.819.054.331 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.687.250.000 đồng; Nợ lãi: 2.131.804.331 đồng (gồm lãi trong hạn: 1.457.548.376 đồng, lãi quá hạn 674.255.955 đồng)

Trong quá trình đôn đốc thu hồi nợ, Vietinbank đã nhiều lần làm việc trực tiếp với giám đốc công ty, yêu cầu công ty thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng, làm việc với bên có tài sản thế chấp để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên công ty đã cố tình chây ỳ không trả nợ, bên có tài sản thế chấp không thực hiện nghĩa vụ và không hợp tác với ngân hàng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH T trả toàn bộ số tiền còn nợ tại Vietinbank –chi nhánh Đông Anh. Tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 20/10/2018 là: 5.326.145.576 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.492.850.000 đồng;

+ Nợ lãi: 2.833.295.576 đồng (gồm lãi trong hạn: 1.973.696.873 đồng, lãi quá hạn: 859.598.703 đồng)

Ngoài ra, Công ty TNHH T phải tiếp tục chịu lãi (theo Hợp đồng tín dụng số 74/HĐTD-TH, ngày 31/12/2010 và Hợp đồng tín dụng số 219/HĐTD-NHĐA, ngày 28/12/2011) kể từ ngày 21/10/2018 cho đến khi trả hết nợ tại Vietinbank.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Vietinbank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Chi tiết tài sản như sau:

- Máy tự động gấp giấy lau tay HZ-3Z-3T hiệu Jumping của Công ty TNHH T.

- Máy cuộn, cắt giấy vệ sinh tự động; Máy khăn hộp rút tờ; Máy đóng gói giấy tự động; Máy gấp giấy tự động; Máy gia công sản xuất giấy VS.

- Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thúy Minh, bà Đới Thị Bích N, chị Đ; tại căn hộ 602, nhà B, TT 48a T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; diện tích (đất ở) 454,4m^2, diện tích sàn (nhà ở) 36,9 m^2.

- Quyền sử dụng đất mang tên chị Đ và anh Nguyễn Ngọc H; tại Đức Hòa, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội; diện tích 86,4m^2 , sử dụng riêng 51m^2 trên thửa đất: 83-1, tờ bản đồ: Đức Hòa.

3. Toàn bộ tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của T đối với Vietinbank. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Vietinbank.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý lấy kết quả của các biên bản xem xét, thẩm định ngày 12/6/2018; ngày 14/6/2018 và ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải ngày 15/7/2015: Đại diện theo pháp luật của T là chị Đ – Chức vụ: Giám đốc Công ty T xác nhận việc ký kết cũng như thực hiện các hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp tài sản đúng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 31/5/2015 là 4.201.307.789 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.702.850.000 đồng. Nợ lãi: 1.498.457.789 đồng. Do điều kiện kinh doanh khó khăn nên cũng mong Ngân hàng tạo điều kiện để T có một phương án trả nợ cụ thể để trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Vietinbank.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thuý M, bà Đới Thị Bích N, ông Trương Trung C đến Tòa án để giải quyết nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do và không ủy quyền cho ai tại các buổi làm việc của Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các

văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Thông báo về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa đối với các đương sự trên.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2018 đối với 02 khối tài sản thế chấp của T là Máy tự động gấp giấy lau tay HZ-3Z-3T hiệu Jumping của Công ty TNHH T và máy cuộn, cắt giấy vệ sinh tự động; máy khăn hộp rút tờ; máy đóng gói giấy tự động; máy gấp giấy tự động; máy gia công sản xuất giấy vệ sinh hiện đang tại nhà xưởng Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước (sau đây gọi tắt là Công ty). Địa chỉ: 84 – 86 Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Công ty có ý kiến như sau: Trong trường hợp Ngân hàng kê biên phát mại tài sản là số máy móc trên, Công ty đề nghị T phải thanh toán cho Công ty số tiền **687.040.000** đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2018, Công ty trình bày hiện Công ty cũng rất khó khăn, bản thân T cũng không còn khả năng trả nợ, nên Công ty sẽ dành phần khởi kiện số tiền T còn nợ là: **687.040.000** đồng trong một vụ án dân sự khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Công ty mong muốn Vietinbank sẽ hỗ trợ chi phí bảo quản máy móc của T là **132.672.000** đồng thì Công ty sẽ tạo điều kiện cho Vietinbank đưa máy móc ra ngoài. Phía VietinBank cũng đồng ý sẽ thỏa thuận với Công ty về việc hỗ trợ chi phí bảo quản máy móc sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tài sản bảo đảm được Cơ quan thi hành dân sự tiến hành phát mại để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho bất cứ ai tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét quyền lợi của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, không đến Tòa án làm việc.

+ Về nội dung: Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín

dụng và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và các tài sản máy sản xuất là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy Công ty TNHH T vay tiền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam thông qua Hợp đồng tín dụng, được thực hiện theo đúng các trình tự thủ tục qui định, quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam yêu cầu Công ty TNHH T trả nợ số tiền nợ gốc: 2.492.850.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và lãi theo qui định pháp luật, là có căn cứ theo qui định tại Điều 4 Luật Thương mại, Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được nợ, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành phát mại tài sản đảm bảo của bên có tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Công ty CP cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước về số tiền 687.040.000đồng là số tiền thuê nhà xưởng mà công ty T chưa trả. Do công ty T không còn khả năng trả nợ, nên sẽ dành phần khởi kiện số tiền công ty T còn nợ Công ty CP cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước là 687.040.000 đồng trong một vụ án dân sự khác.

Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên các đương sự này vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

- Việc ký kết 02 Hợp đồng tín dụng số: 74/HĐTD-TH ngày 31/12/2010 và Hợp đồng tín dụng số: 219/HĐTD-NHĐA ngày 28/12/2011 giữa Vietinbank – Chi nhánh

Đông Anh và T, cũng như việc ký kết các Hợp đồng thế chấp giữa các bên có tài sản thế chấp với Ngân hàng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước trách nhiệm về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký hợp đồng trước mặt công chứng viên, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 21/01/2013. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/10/2014 T đã trả được cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng trong hợp đồng tín dụng số 219 ngày 28 tháng 12 năm 2011 và rút một phần tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp số: 76/TC/2010 ngày 27/01/2010. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Ngọc H và chị Đ; tại số 10, ngõ 139 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; diện tích sử dụng riêng 34,1m^2. Giấy tờ sở hữu thế chấp: Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số bìa AB736712, hồ sơ gốc số Q11/2006/QĐUB 01/2006, do UBND quận Ba Đình cấp ngày 21/03/2006. Như vậy số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số 219 tính đến ngày 01/6/2015 có tổng dư nợ là 3.132.927.421 đồng trong đó nợ gốc là 1.897.250.000, nợ lãi là 1.235.677.421 đồng. Đến nay, mặc dù Vietinbank đã nhiều lần đôn đốc nhưng T vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Vietinbank đã khởi kiện đến Tòa án. Việc Vietinbank khởi kiện T là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

- Việc Công ty trình bày hiện Công ty cũng rất khó khăn, bản thân T cũng không còn khả năng trả nợ, nên Công ty sẽ dành phần khởi kiện số tiền nợ thuê kho bãi, nhà xưởng của T là: **687.040.000** đồng trong một vụ án dân sự khác là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty XD và LM điện nước mong muốn Vietinbank hỗ trợ chi phí bảo quản máy móc của T là **132.672.000** đồng thì Công ty sẽ tạo điều kiện cho Vietinbank đưa máy móc ra ngoài. Hội đồng xét xử nhận định đây là mong muốn hỗ trợ chi phí của Công ty đối với Vietinbank, hai bên sẽ thỏa thuận riêng với nhau sau, đây không phải yêu cầu độc lập trong vụ án này nên không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Về án phí sơ thẩm: Vietinbank không phải chịu án phí sơ thẩm; T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 281 và các Điều 290, 302, 342, 348, 349, 350, 351, 355, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1267/2001/QĐ - NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam**;

Buộc Công ty TNHH T phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam tạm tính đến ngày 20/10/2018 phải trả: **5.326.145.576** (Năm tỷ, ba trăm hai sáu triệu, một trăm bốn lăm nghìn, năm trăm bảy sáu) đồng, trong đó nợ gốc **2.492.850.000** (Hai tỷ, bốn trăm chín hai triệu, tám năm mươi nghìn) đồng, nợ lãi **2.833.295.576** (Hai tỷ, tám trăm ba ba triệu, hai trăm chín lăm nghìn, năm trăm bảy sáy) đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: 74/HĐTD-TH ngày 31/12/2010 với số tiền là: **1.507.091.246** đồng trong đó nợ gốc là **805.600.000** đồng, nợ lãi là **701.491.246** đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 219/HĐTD-NHĐA ngày 28/12/2011 với số tiền là: **3.819.054.331** đồng, trong đó nợ gốc là **1.687.250.000** đồng, nợ lãi là **2.131.804.331** đồng.

Kể từ ngày 21/10/2018, Công ty TNHH T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Vietinbank theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật, gồm: Máy tự động gấp giấy lau tay HZ-3Z-3T hiệu Jumping của Công ty TNHH T; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thuý M, bà Đới Thị Bích N, chị Đ; tại Căn hộ 602, nhà B, TT 48A T, phường P, quận H, thành

phố Hà Nội; diện tích (đất ở) 454,4m^2, diện tích sàn (nhà ở) 36,9 m^2; Máy cuộn, cắt giấy vệ sinh tự động; máy khăn hộp rút tờ; máy đóng gói giấy tự động; máy gấp giấy tự động; máy gia công sản xuất giấy vệ sinh; Quyền sử dụng đất mang tên chị Đ và anh Nguyễn Ngọc H; địa chỉ: Đức Hoà, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; diện tích 86,4m^2, sử dụng riêng 51m^2 trên thửa đất: 83-1, tờ bản đồ: Đức Hòa; giữa Bên thế chấp là bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thúy Minh, bà Đới Thị Bích N, chị Đ, anh Nguyễn Ngọc H với Bên nhận thế chấp là Vietinbank để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số: 74/HĐTD-TH ngày 31/12/2010 và Hợp đồng tín dụng số: 219/HĐTD-NHĐA ngày 28/12/2011.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH T phải chịu **113.326.146** (Một trăm mười ba triệu, ba trăm hai sáu nghìn, một trăm bốn sáu) đồng án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **56.554.822** (Năm sáu triệu, năm trăm năm tư nghìn, tám trăm hai hai) đồng theo biên lai thu số **03211** ngày 25 tháng 11 năm 2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long